

## GHE 116

Bài tường thuật này được viết căn cứ trên những điều được ghi chép từng ngày, từ lúc lên đường tại Sài Gòn cho đến lúc đặt chân lên trại tỵ nạn Palawan, trong cuốn sổ tay nhỏ mà tôi đã mang theo lúc vượt biển. Cuốn sổ tay này, tôi đã để lẫn lộn trong đồng thư từ và sách báo cũ và tôi đã quên mất từ gần hai mươi lăm năm nay. Vừa rồi, trong lúc dọn dẹp phòng ốc, tôi đã vô tình gặp lại. Ngạc nhiên và thích thú, tôi đã lật ra vài trang để đọc. Càng đọc, ký ức của tôi càng sống lại và tôi đã nhớ khá rõ ràng những gì đã xảy ra quanh tôi trong cục hành trình. Tường thuật lại những gì mà cuốn sổ nhỏ này đã giúp tôi nhớ lại, tôi ước mong sau này con, cháu tôi sẽ đọc những trang này và biết được rằng hai chữ tự do thật vô cùng quý báu vì cha, chú và hàng triệu người Việt đã đem mạng sống mình để đổi lấy nó.

Trời đã sáng rực và phố xá bắt đầu nhộn nhịp. Xe đạp, xe gắn máy, xe ba gác ngược xuôi chở người ra chợ, kẻ đi làm. Bé Đoan Trang đã theo đám bạn đến trường. Như mọi ngày, nhà tôi chuẩn bị ra quán ở khu chợ trời đường Tạ Thu Thâu. Hai vợ chồng chúng tôi không nói với nhau một lời, nhưng trong lòng, mỗi người đang ôm bao mối tơ vò. Ôm hôn vợ, tôi khẽ nói : "Thôi, anh đi. Em ở lại với con !" Nàng ôm Tuấn Phương, đứa con trai nhỏ bé, vào lòng và nhẹ nhàng nói : "Hai cha con lên đường bình an! Em chỉ biết phó thác trong tay



*Thầy Hồ Văn Thái*

1- Thành viên sáng lập, niên trưởng Ban Giảng Huấn Trường Việt ngữ Heidelberg

2- Kiến Trúc Sư

3- Nguyên Giáo sư Pháp văn Trường Trung Học Petrus Ký (trước 1975)

4- Chủ tịch Cộng Đoàn Công Giáo Mannheim và VPC liên tiếp nhiều nhiệm kỳ trong các thập niên 80-90

5- Thành viên Hội văn hoá Việt Nam Rhein-Main

6- Trưởng ban Tổ chức các Chương Trình văn nghệ cuối thập niên 80 tại Mannheim Rhinain góp quỹ giúp thuyền nhân tỵ nạn tại Palawan. Phi Luật Tân.

7- Hồi ký : „Ghe 116“

Chúa". Cả hai chúng tôi, nước mắt lưng tròng nhưng đành cắn môi chịu đựng.

### **Hôm ấy là ngày 20 tháng 9 năm 1980.**

Đứng bên lề đường tại công trường Cộng Hòa, tôi đón một chiếc xe ôm để hai cha con ra xa lộ Biên Hòa. Nơi ngưỡng cửa, vợ tôi lặng lẽ đứng nhìn và lúc xe vừa lăn bánh, nàng ôm mặt khóc. Để tránh cơn xúc động, tôi xoay mặt nhìn về phía trước. Lúc đến Thị Nghè, tôi bảo anh lái xe ôm ngừng lại bên lề đường, nơi một đám người đang đón xe. Hai đứa cháu, Nga, con gái người anh ruột, hai mươi tuổi và Tuấn, mười tuổi, cháu ruột của bà chị dâu, đang đứng chờ. Chừng nửa giờ sau, một chiếc xe lô từ hướng đô thành trở tới và ngừng lại. Tay lơ xe luôn mồm mời khách đi Bà Rịa, Vũng Tàu. Sau khi trả giá, bốn chúng tôi lên xe và khi xe đã khá đầy, bác tài rồ máy cho xe chạy.

Mặt trời lên đã cao và bắt đầu nóng. Quanh tôi, người ta rì rào chuyện vãn, nhưng đầu óc rối bời với bao suy nghĩ phập phồng, tôi nào có nghe được gì. Nhìn lại phía sau, thành phố xa dần. Và xa dần hình bóng người vợ hiền cô đơn, đứa con gái bé bỏng, mẹ già hom hem, anh chị em, bà con, bạn bè thân thương... Biết ngày nào gặp lại ? Mà có còn gặp lại chẳng? Nước mắt muốn tuôn trào, nhưng phải ráng kềm giữ lại. Bao nhiêu ý nghĩ quay vòng vòng trong đầu. Vợ con mình sẽ xoay xử ra sao trong những ngày, tháng, năm sắp tới, khi mình, cột trụ của gia đình, lại bỏ ra đi ? Với bản chất hiền lành, ít ăn ít nói, dễ tin, không đua tranh, chịu đựng, lúc nào cũng chấp nhận thua thiệt, vợ mình làm sao có thể đương đầu với những phong ba bão tố, với những cạm bẫy mà cái xã hội đảo điên, dối trá, đầy lừa gạt của những tháng năm sau biến cố Tháng Tư Đen, đang ngày đêm rình rập và sẵn sàng ụp xuống trên nàng. Bỏ lại vợ con bơ vơ, không hộ khẩu, không mái nhà, phải sống nương thân nơi nhà của anh ruột mình, sự ra đi tìm tự do của mình, phải chăng là một cuộc trốn chạy trách nhiệm làm chồng, làm cha? Mặc dù vợ chồng đã bàn bạc với nhau nhiều lần, nhưng trong cảnh chia ly, lương tâm tôi vẫn bị dày vò không dứt.

Xe vẫn chạy đều ngang qua những thị trấn, những rừng cao su, những đồng ruộng. Mắt vẫn nhìn trân về phía trước nhưng nào có thấy gì. Trong đầu chỉ thấy một tương lai mờ mịt và những cảnh hải hùng trên

biển cả, những kinh nghiệm ề chề của những chuyến vượt biên đã qua. Như một cuốn phim quay chậm, cảnh chiếc ghe nhỏ chở vợ chồng, con, cháu cùng với mười người đồng hành, bị sóng vùi dập sắp nhận chìm đáy biển, hiện ra ra mồn mồn. Lần đó, cách đây hai năm, hai vợ chồng cùng hai đứa con và Nhung, đứa cháu gái con anh ruột, đã ra đi tại Vĩnh Long. Ghe xuất phát an toàn lúc nửa đêm, nhưng khi ra đến cửa biển lúc trời hừng sáng thì gặp mưa to gió lớn. Những đợt sóng cao bằng nóc nhà phủ xuống như trời giáng trên chiếc ghe mỏng manh. Chỉ trong khoảnh khắc, mái bị tung, ghe ngập nước, máy ngưng chạy vì nước phủ kín. Tình thế tuyệt vọng. Mọi người chỉ còn chờ chết và chỉ còn biết cầu Chúa, cầu Trời, khẩn Phật xin cứu nạn và Ông Trên đã thương mà cho thoát chết và được về nhà vô sự. Lần khác, cả gia đình theo đám vượt biên bán chính thức do công an Cần Thơ tổ chức ra Côn Đảo nghỉ mát bất đắc dĩ trong sáu tháng. Lúc về, nhà bị tịch thu, hộ khẩu bị cắt, không còn đồng xu dính túi. Vợ chồng, con cái phải tìm đến nhà anh ruột xin tá túc. Bụng đói, đầu gối phải bò, hai vợ chồng xoay xở vay mượn anh em bà con chút tiền làm vốn ra chợ trời kiếm ăn từ đó.

Sau gần ba tiếng đồng hồ, xe chạy đến Hải Sơn. Tôi bảo tài xế ngừng lại khi xe chạy đến cây số 80(?). Nơi đây khá vắng vẻ. Phía bên trái tỉnh lộ là khoảng đất trống rộng lớn. Phía bên phải, cách đường khoảng chừng trăm thước, có những căn nhà nhỏ gọn gàng, nằm trong những khoảnh vườn nho nhỏ. Khi xe chạy đã khá xa, chúng tôi từ từ đi vào một ngôi nhà đã được chỉ trước. Lộc, người bà con và cũng là người liên lạc, đã chờ sẵn. Sau mấy phút dăn dò, Lộc dẫn hai đứa cháu đi đến một nhà khác. Trong nhà đã có sẵn sáu bảy người đến trước. Cửa trước cửa sau đều đóng kín. Mọi người phải im lặng và tuyệt đối không được ra khỏi nhà. Suốt ngày, không ai nói một lời. Chỉ biết chờ đợi và hồi hộp, không biết công an vào bắt bất cứ giờ phút nào. Thời gian chậm chạp trôi và đêm rồi cũng đến.

Đêm hôm đó, mệt mỏi và căng thẳng, hai cha con ngã mình trên chiếc giường độc nhất cùng với sáu người khác. Suốt đêm, phần chật, phần nóng và bị muỗi đốt, lại cứ nơm nớp sợ công an ập vào xét nhà, tôi trần trọc mãi và chỉ chập chờn đôi chút lúc sáng sớm.

**21.09.80**

Một ngày nữa lại nặng nề trôi qua trong chờ đợi lo âu và một đêm vật vờ, đầy ác mộng. Đến nửa đêm, chúng tôi được đánh thức để lên đường. Mọi người vội vã quơ cào hành trang và theo người hướng dẫn ra khỏi nhà bằng cửa sau.

Chúng tôi lặng lẽ chen qua vườn cây và ra đến con đường nhỏ phía sau nhà. Đêm vắng lặng. Trời sáng trắng. Đi một đoạn thì chúng tôi nhập bọn với những người từ những nhà khác và chú cháu lại gặp nhau. Đoàn người khoảng sáu bảy chục đi xa lần những vườn cây, hướng ra phía đồng ruộng. Đến đây đoàn người đi trên bờ mương hẹp, người sau theo người trước, kéo dài ra như một con rắn. Tôi cầm tay dẫn thẳng con, hai đứa cháu thì luôn theo sát. Tuy trời sáng trắng, nhưng phần là dân thành phố lần đầu tiên lội ruộng, phần bờ đất trơn trượt vì cơn mưa giông ban chiều, nên nhiều người thay nhau trượt chân đánh bõm xuống ruộng nước. Bốn chúng tôi cũng không tránh khỏi cảnh té lên té xuống, áo quần ướt đầm bùn đất. Nhiều lần tôi đã phải cõng thẳng con trên lưng.

Đi một hồi thì không còn thấy nhà cửa, cây cối nữa, mà chung quanh chỉ toàn ruộng và nước. Giữa cảnh trời không mông quạnh, xa xa vắng lại tiếng chó sủa, đoàn người cứ lầm lũi bước tới, bỗng tiếng khóc của một cháu bé vang lên trong đêm vắng. Tiếng khóc như được khuếch đại giữa đồng ruộng mênh mông. Mọi người khựng lại và run sợ. Công an trong làng chắc sẽ nghe tiếng khóc mà ra tóm gọn đám vượt biên này. Người tôi nóng bừng như lên cơn sốt. Cha mẹ cháu bé đổ dầm mảy, tiếng khóc vẫn không ngừng. Thình thoảng vài người quá lo sợ và mất bình tĩnh xô ra vài câu chửi thề vừa đủ nghe. Nhưng tiếng khóc của cháu bé rồi cũng dịu dần và im bật. Sau khoảng một tiếng đồng hồ vừa lò mò đi, vừa lom khom chạy, đoàn người chúng tôi đến được một khoảng đất trống thoai thoải, mấp mé nước. Được ngồi xuống trên bãi để chờ và mặc dù lo lắng sợ hãi, tôi cũng cảm thấy nhẹ nhõm vì đã quá mệt và cổ họng khô ran. Những người tổ chức chạy tới chạy lui, hướng mắt nhìn ra xa và trấn an chúng tôi là sẽ được taxi đưa ra "cá lớn" trong chốc lát. Nhưng phải mất gần nửa tiếng sau mới thấy lờ mờ vài chiếc ghe nhỏ chèo tới. Từng nhóm bốn, năm người một được cho lên một chiếc ghe, loại đi đánh bắt cá với một tay chèo ngồi phía sau. Việc chuyển người tiến hành chậm chạp vì chỉ có hai, ba chiếc ghe nhỏ. Cuối cùng, ghe lớn

phải vào gần bờ để cho người lên nhanh hơn. Thế mà phải mất gần một tiếng đồng hồ mới xong. Số người khá đông và khoang tàu tuy không rộng, nhưng cũng đủ chỗ cho mọi người.

Ghe nổ máy khởi hành lúc khoảng 4 giờ sáng ngày 22 tháng 9. Mặc dù hồi hộp và lo âu, nhưng tôi cảm thấy vui và đầy hy vọng khi nghe tiếng máy nổ đều và thấy ghe ngon trớn trên dòng nước. Sau những giờ phút căng thẳng và mệt mỏi ở trên bờ, giờ đây, dù có ngồi chật chội trong lòng ghe, ai cũng thấy an tâm và âm thầm cầu nguyện Đấng Linh Thiêng cho thuận buồm xuôi gió.

Ghe chạy ngon lành được chừng nửa tiếng, bỗng đâm sầm vào bờ và có tiếng hô lớn : "Chạy !" "Thôi rồi, thế là hỏng! " tôi nghĩ bụng và trong khoảng khắc, tôi tưởng chừng như sắp nghe những loạt đạn từ tàu tuần của công an nhả tới. Mọi người hốt hoảng chen nhau leo lên boong và nhảy ào xuống bờ. Tôi ôm thẳng con và kéo hai đứa cháu nhảy theo. Lúc đó tôi chẳng biết làm gì hơn là chạy càng xa bờ càng tốt. Nhưng nào có thấy gì. Trời thì tối âm u. Chung quanh thì mù mịt, chỉ thấy lờ mờ những lùm cây thấp trong sương đêm. Đôi dép đã rơi mất lúc nhảy xuống bờ. Mặc cho sình lầy, mặc cho sỏi đá và gai nhọn. Tôi cống thẳng con trên lưng, hai đứa cháu theo sát. Tôi vạch những cành lá để đi nhanh về phía trước. Mỗi bước đi là một cực hình: sỏi đá và vỏ ốc sắc cạnh đâm vào đôi bàn chân không, gai nhọn bám vào mình, vào tay, chân, mặt mũi. Chúng tôi cũng vẫn cố sức đi về phía trước. Nhưng rồi quá mệt, các lùm cây lại quá dày đặc, chúng tôi phải đứng tại chỗ để thở và gỡ bớt gai trong người ra. Cha con, chú cháu đều khát nước, cổ họng khô ran. Nhìn lại, hai túi vải làm hành trang của hai cha con đã mất đi lúc nào. May mắn là hai đứa cháu còn giữ được cái túi vải và trong một túi xách của đứa cháu có được ít lát chanh khô. Mỗi người ngậm một lát cho giảm bớt cơn khát.

Lúc trời sáng hơn, nhìn đã rõ, thấy quanh mình toàn những loại cây kè, lá như lá dứa, những nhỏ hơn nhiều và tua tủa gai nhọn hơn kim. Tôi cùng với hai đứa cháu ngắt những lá cây không gai, phủ xuống đất một lớp khá dày. Cả bốn người đặt lưng xuống nằm và tôi không còn thiết nghĩ ngợi gì nữa vì đã quá mệt. Tôi thiếp đi và tỉnh dậy lúc mặt trời bắt đầu lên. Đưa mắt nhìn quanh, thấy từng nhóm bốn năm người nằm

ngồi, núp mình dưới những lùm cây như chúng tôi. Nhìn xa hơn, chỉ toàn nước bao quanh. Ghe thuyền đâu chẳng thấy mà lại thấy nhiều người đang lúp xúp mò cua bắt cá ở xa xa. Thôi thì đành phó cho rủi may và chờ đợi giây phút công an đến còng tay dắt đi thôi!

Xế trưa, một người trong ban tổ chức tìm đến và mang cho mấy cái bánh ú và ít nước. Để trấn an chúng tôi, anh cho biết là hồi đêm tài công thấy tàu công an đi tuần, nên phải đổ khách lên "rừng chà là" này và đưa ghe đi dấu để khuya nay đánh lại và vùng này an toàn vì đã có liên hệ trước. Nghe vậy và cho đến giờ này chẳng thấy động tĩnh gì, tôi cũng yên tâm phần nào ngồi chờ giữa cảnh trời nước bao la.

Thời gian cứ thong thả trôi như để trêu chọc sự kiên nhẫn của tôi. Vì phải chờ đợi từ giờ này qua giờ nọ đôi lúc đầu óc quá căng thẳng như muốn nổ tung, nhưng tôi phải ráng chịu đựng để cho mấy đứa nhỏ đừng hoảng sợ. Tuy vậy, thằng con lăm lúc khóc rấm rức đòi về, còn hai đứa cháu thì cứ hỏi mãi chừng nào đi.

Một ngày chịu nắng, đi mưa rồi cũng trôi qua và đến nửa đêm, lúc chúng tôi đang thiu thiu thì được đánh thức và dẫn đến một bãi đất mấp mé nước. Nhiều người đã đứng đấy. Lộc nói lớn là chuyển đi phải hoãn lại vì tài công đã bỏ về Sài Gòn. Mọi người sẽ được taxi đưa về an toàn. Lại thất vọng, nhưng cũng thấy nhẹ người là không bị bỏ rơi ở giữa rừng cây xa lạ. Chúng tôi được một chiếc ghe củi nhỏ xíu với một tay chèo đón sau cùng. Chừng mười phút sau thì ghe áp vào chiếc ghe lớn và chúng tôi được kéo lên. Lúc đó, Lộc nói nhỏ vào tai : "Hồi này em nói hoãn để đánh lừa đám canh me". Chúng tôi tìm chỗ ngồi. Nhưng trong khoang đã đầy người, không một chỗ trống đủ cho cả bốn. Cuối cùng, hai đứa cháu cũng chen được vào ngồi giữa những người lạ. Tôi đành phải xuống hầm tàu và thằng con thì đeo cứng như cái đuôi. Dưới này cũng đông nghẹt. Nhờ ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn ở buồng máy, tôi tìm được một chỗ đủ cho hai cha con, ngay cạnh máy tàu đang nổ xình xịch. Cũng chiếc ghe lớn này, nhưng hôm qua thì có vẻ rộng rãi hơn và đủ chỗ cho mọi người mà hôm nay lại chật chội và người đông hơn nhiều! Một lúc sau, máy nổ mạnh hơn và ghe chuyển động. Giờ khởi hành bắt đầu. Động cơ mỗi lúc mỗi nổ mạnh hơn, ồn hơn và hơi nóng phát ra cũng nhiều hơn. Ngồi ở hầm máy, tôi chẳng biết gì, nhưng nghĩ là ghe phải chạy nhanh để mau ra khỏi cửa sông và để sớm tới hải phận quốc

tế. Đành phải chấp nhận thôi! Chừng nửa giờ sau thì hầm tàu trở nên quá nóng. Tiếng động cơ nhức óc điếc tai. Không khí không đủ để thở. Người tôi mồ hôi ướt đẫm và cổ họng khô rát. Thằng con tôi khóc ngất lên vì hết chịu nổi. Tôi hét lớn và dấm rầm rầm vào trần kêu cứu. Một lúc sau, nắp lỗ khoang tàu được mở ra và tôi đẩy thằng con lên được bên trên. Hai đứa cháu đón lấy nó và giữ nó lại luôn trên đó. Phần tôi thì đành chịu trận. Toàn thân tôi nhể nhãi mồ hôi. Động cơ tăng dần cường độ, ghe lướt sóng càng nhanh hơn và nhồi mạnh. Nhiều người nôn mửa ngay tại chỗ, nhất là những người ở khoang trên. Nước mũi, nước miếng, đồ nôn mửa theo kẽ ván rơi xuống hầm máy và tôi lạnh đủ thứ hôi hám trên người, trên áo, trên quần. Tôi phải cởi áo sơ mi ra để lau bớt và che đầu. Cơ khát nước lại hành hạ tôi. Miệng tôi đắng ngắt và cổ tôi khô cháy. Nhiệt độ trong buồng máy mỗi lúc mỗi lên cao. Không khí như đặc quánh lại. Tôi ráng hít mạnh, nhưng không đủ khí cho buồng phổi. Tôi vật mình xuống cạnh bên máy tàu, ngất ngư, nửa tỉnh nửa mê.

Tôi nằm trong trạng thái mê man như vậy không biết bao lâu. Khi tỉnh lại, tiếng máy không còn dồn dập mà điều đặn hơn, ghe cũng lướt đi từ từ và không dồi sóng nữa. Nhìn qua kẽ hở, thấy trời nắng sáng. Tôi đoán chừng ghe chạy đã khá xa Vũng Tàu, biển lặng và chắc đã xế trưa. Từ lúc đặt chân lên ghe, giờ đây tôi mới có thể nhìn rõ đôi chút hầm tàu. Từ mũi đến buồng máy không còn một chỗ trống. Hầu hết là đàn ông và thanh niên, ngồi tựa lưng vào thành ghe, chân duỗi thẳng. Buồng máy phía sau đủ chỗ cho vài người trông coi máy. Tôi ló đầu lên khoang trên để xem thằng con và hai đứa cháu như thế nào. Tôi yên tâm vì thấy tụi nó ngồi giữa một đám trẻ đồng lứa tuổi và có vẻ tỉnh táo. Nhìn quanh, tôi thấy khoang trên cũng đầy người. Tôi nhăn nhủ mấy đứa nhỏ vài lời rồi trở về chỗ cũ cạnh máy tàu. Trưa và chiều hôm đó, chúng tôi được phát thức ăn theo chế độ trường kỳ, mỗi ngày hai bữa ăn, mỗi bữa một gói mì khô và nửa ly nước lạnh nhỏ cho mỗi người. Tôi chẳng thấy đói mà chỉ khát nước.

Đêm xuống, trời lặng gió, biển yên, trăng sáng vành vạnh. Ghe êm ái chạy đều trên mặt nước phẳng lặng. Thật là lý tưởng. Tiếng máy nổ đều đều không còn làm tôi khó chịu nữa và tôi đã chìm dần vào giấc ngủ thoải mái, không mộng mị cho đến lúc tiếng máy bỗng câm nín thì tôi

thức giấc. Quanh máy, nhiều người đang tháo bộ phận này, lau chùi bộ phận kia, rồi ráp lại để người tài công "đề" cho nổ máy. Nhưng "đề" mãi, máy vẫn nằm im. Nhóm sửa máy làm đi làm lại những động tác này cả hàng chục lần, máy vẫn không chịu nổ. Trong lúc đó, nước dưới lòng ghe mỗi lúc mỗi lên cao. Một số thanh niên được huy động tát nước. Tôi cũng phụ vào một tay, dùng thùng thiếc múc nước rồi chuyền tay nhau đưa lên trên để đổ xuống biển. Cả hai nhóm hì hục làm liên tục. Nước dưới lòng ghe cạn bớt, nhưng máy tàu vẫn bất động.

Sáng hôm sau, tức là vào ngày thứ 2 sau khi rời bến, ghe nổi lênh bênh trên mặt biển. Mọi người bắt đầu lo âu nhưng vẫn bình tĩnh. Trời yên bề lặng, nhiều người leo lên boong để hưởng không khí trong lành. Tôi cũng lên theo.

Đang nhìn cảnh trời nước bao la, bỗng có tiếng nhảy ầm xuống biển. Nhiều người lao xao, nhất là phía sau phòng lái. Vài người nói lớn : "Kệ cha nó, để cho nó chết!" Hỏi ra, tôi được biết, người vừa nhảy xuống biển là anh tài công tên Vân. Vài người đã mắng anh là tài công "dỏm", không biết định hướng và đã để máy tàu hư. Anh bị chạm tự ái nặng. Quá nóng giận, anh đâm ra quẫn trí và muốn tự tử. Sự kiện này, tôi chỉ nghe lại, không biết đúng bao nhiêu phần.

Anh Vân bơi xa dần. Mọi người trên ghe hững hờ nhìn theo, không một phản ứng và cứ để mặc anh với biển cả. Tôi cảm thấy bần thần, day dứt. Không lẽ cứ đứng yên nhìn một bạn đồng hành, mà số phận đang gắn liền với mình và với mọi người trên ghe, chết một cách lẳng nhách. Thật là phi lý và bất nhân, tôi nghĩ bụng và nói lớn: "Cứ để người ta chết sao ? Phải làm một cái gì chứ !" Nhìn quanh, nhiều người lớn tuổi và những trai tráng lực lưỡng vẫn bất động. Tôi liền ôm một cái phao nhựa và nhảy ào xuống biển. Nhiều tiếng la lớn, nhưng tôi chẳng nghe gì rõ và bơi về phía anh Vân. Lúc thấy tôi bơi đến gần, anh bực bội và không muốn nói chuyện với tôi và còn nói là anh có thể kéo tôi cùng chết. Tôi bơi xa xa anh và để cho dòng nước đẩy đưa, tôi bình thản nói chuyện với anh và nhắc nhở anh về vợ con và những người đồng hành ở trên ghe. Trong cơn giận dữ, anh nói anh chỉ muốn chết. Tôi trả lời nhỏ nhẹ: "Tôi với anh đều xa lạ, không quen biết nhau, không duyên nợ gì với nhau. Tôi chỉ xin anh nghĩ lại xem cái chết của anh có ích lợi gì không?" Anh lặng thinh và có vẻ bớt gay gắt lên. Khoảng mười phút sau, một



người trên ghe nhảy theo xuống và bơi đến gần. Anh này còn trẻ hơn tôi nhiều và sau này, tôi được biết, là anh em của anh Vân. Anh ta lấy tình anh em ruột thịt năn nỉ anh Vân hết lời. Cuối cùng anh Vân dịu hẳn và cùng bơi về thuyền với chúng tôi. Lên được trên boong, tôi nhẹ người vì nhờ cái bấc đồng của tôi mà mọi người khỏi phải chứng kiến cảnh một mạng người làm mồi cho cá và người tôi cũng nhẹ bớt vì tôi đã rũ bỏ được mọi thứ dơ bẩn trên người mà tôi đã lãnh đủ trong suốt ngày hôm qua.

Mọi người đều trở về chỗ cũ và tôi xuống ngồi lại bên cạnh máy tàu. Nhóm thợ máy tiếp tục công việc, vài thanh niên thay phiên quay đi-na-mô để sạc điện cho bình điện của máy tàu và một số khác lo tát nước. Họ làm việc suốt ngày, nhưng máy vẫn bất động.

Một ngày trôi qua và đêm lại xuống. Biển lặng, trời trong, gió nhẹ và ghe tiếp tục bênh bồng trôi. Nhiều người bắt đầu gật gà ngủ. Nhóm thợ máy, mồ hôi nhễ nhại, cứ hùng hục quây, kéo, giựt cho đến nửa đêm vẫn không làm cho máy nổ lại. 2 giờ sáng, phòng lái quan sát không thấy núi Vũng Tàu hay Côn Đảo ở chân trời nên đoán chừng ghe đã vào vịnh Thái Lan. Không còn hy vọng sửa máy cho chạy lại được, một vài người đề nghị làm buồm, may ra gió sẽ đưa vào lại bờ. Ai cũng nghĩ, thà bị bắt, hơn là chết giữa biển. Nhưng trên ghe không có gì để làm buồm. Đành tiếp tục như vậy.

Sáng ngày hôm sau, 24 tháng 9, nhóm thợ máy lại tiếp tục công việc. Lần này có sáng kiến mới: trong lúc hai thanh niên mạnh khỏe kéo mạnh sợi dây thừng quấn quanh trục máy tàu, thì đồng thời một người cầm một miếng bùi nhùi tẩm dầu đang cháy, đặt ngay vào lỗ hút gió của động cơ. Động tác này được làm liên tục và sau vài lần thì máy bỗng phát ra tiếng nổ. Mọi người mừng rỡ vỗ tay hoan hô, nhưng máy lại tắt. Nhóm thợ máy lại tiếp tục, hăng hái hơn. Sau nhiều lần làm những động tác trên, máy lại nổ và kéo dài hơn. Vậy là sau hơn một ngày trôi lênh bênh, giờ đây ghe có thể chạy lại được. Hy vọng lại nhen nhóm, nhưng nỗi lo âu vẫn canh cánh. Một người cất giọng hát bài "Lạy Mẹ xin an ủi chúng con ..." Nhiều người hát theo, tôi cũng vậy. Hết bài hát này, chúng tôi hát tiếp bài thánh ca khác rồi lần hạt Mân Côi để cầu xin Chúa và Mẹ Maria đoái thương đoàn con đang hoạn nạn trên biển cả mà làm cho máy tàu được chạy đều. Bên cạnh tôi, nhiều tiếng râm râm tụng

niệm, cầu xin Đức Phật Bà Quan Âm cứu khổ cứu nạn. Máy nổ đẩy chiếc ghe đi tới, nhưng chỉ được khoảng 15 phút thì lại tắt và nhóm thợ máy lại hì hục với những động tác như trước và máy lại nổ. Ngày hôm đó, tiếng cầu kinh không ngớt và máy tàu lúc chạy lúc ngừng, vẫn đẩy ghe đi tới.

Lúc đêm xuống, gió lớn, bầu trời và mặt biển một màu tối sẫm. Sóng liên tiếp đập vào mạn thuyền làm ghe nhồi mạnh. Trưởng ghe yêu cầu mọi người vào trong khoang và thanh niên, trai tráng phải xuống hầm máy để cho ghe được đầm hơn. Trong hầm không còn một kẽ hở và hơi nóng bốc cao lẫn. Những thân người ướt đẫm mồ hôi dính sát vào nhau. Cổ họng tôi khô cháy vì cơn khát hoành hành, nhưng đành phải chịu. Mỗi cơn sóng lớn, ghe nhồi mạnh và từ lườn ghe phát ra những tiếng rầm rầm đầy đe dọa như tiếng xương cọ vào nhau. Tôi lo sợ không biết ghe vỡ tung ra lúc nào. Mấy tiếng đồng hồ sau, gió dịu lại và biển lặng. Đám trẻ lại được lên boong. Hầm tàu thoáng hơn và tôi dãi được đôi chân thoải mái.

### **25.09.80**

Đang gật gà ngủ thì những tiếng lao xao trên boong làm tôi tỉnh lại. Tôi lẳng tai nghe ngóng xem việc gì xảy ra. Nhìn qua kẽ hở của lườn ghe, tôi thấy 4 chiếc tàu đánh cá, đèn thả sáng trưng, cách ghe chừng trăm thước. Máy tàu được cho nổ mạnh hơn để ghe chạy nhanh về phía đoàn tàu đánh cá. Lúc ghe đến gần, những chiếc tàu đánh cá chạy vòng quanh ghe rồi xa dần và mất hút trên biển cả. Trên ghe, mt niềm thất vọng phảng phất vì nhiều người đã tưởng là sẽ nhận được mt sự trợ giúp nào đó của người đồng loại.

Trời đã tờ mờ sáng. Máy nổ đều và ghe vẫn chậm chạp lướt trên mặt biển hiền lành nhưng nước rỉ vào lòng ghe mỗi lúc mỗi nhiều và trai tráng lại thay nhau tát.

Lúc mặt trời đã lên khá cao, mt đoàn tàu đánh cá khác xuất hiện xa xa ở hướng đông. Trên boong nhiều người làm dấu hiệu kêu cứu. Một lúc sau, một chiếc tới gần và áp sát. Do lá cờ phất phới trên tàu, chúng tôi nhận ra đây là một tàu đánh cá Đài Loan. Chiếc tàu này lớn gấp đôi ghe của chúng tôi và trang bị máy móc tối tân. Bằng tiếng Anh, những người có trách nhiệm của ghe nói chuyện với thuyền trưởng tàu đánh cá

và xin giúp đỡ. Người thuyền trưởng còn trẻ, rất tử tế. Ông cho biết ghe đang ở hải phận quốc tế, ngang Côn Đảo và ông sẵn sàng giúp đỡ nhưng không thể cứu vớt được.

Sau khi cho một ít thực phẩm đóng hộp, bơm cho một thùng nước uống, chỉ dẫn đường đi theo thủy lộ quốc tế, hứa sẽ đánh điện báo cho các tàu lớn đến cứu, ông cho tàu chạy theo đoàn tàu đánh cá. Để tỏ lòng biết ơn người thuyền trưởng đầy lòng nhân ái, những người trên boong đưa tay vẫy chào. Với niềm lạc quan và hy vọng, mọi người hớn hờ vui tươi và hôm đó khẩu phần được phân phát rộng rãi, nước được uống tha hồ. Nhưng niềm vui không kéo dài lâu vì máy tàu tiếp tục hư và chiều đến thì trời xấu trở lại. Lúc đêm xuống, gió thổi mạnh hơn. Mây trời và biển cả một màu đen sẫm âm u, báo động một cơn giông lớn sắp tới. Sóng nhồi mạnh mà máy vẫn tiếp tục hư. Mọi người phập phồng lo sợ, chui vào khoang hoặc xuống hầm máy. Trong cảnh hãi hùng lo âu, thỉnh thoảng ánh đèn xa xa của một con tàu thấp lên một tia sáng hy vọng. Tài công rú mạnh ga. Chiếc ghe gồng mình vượt nhanh về hướng ánh sáng. Nhưng ghe chạy nhanh, mũi ghe nâng lên cao thì phần lái hạ thấp xuống và nước lại tràn vào từ sau lái. Ghe lại phải ngừng. Ánh sáng xa dần và chút hy vọng mỏng manh cũng tan theo. Đôi lúc, thấy tàu lớn, có người đã lấy trái sáng bắn lên làm hiệu, nhưng tất cả những trái sáng mang theo đều tịt ngòi.

Lo âu và hy vọng nối tiếp suốt đêm. Nước cứ tiếp tục tràn vào, trai tráng lại phải cùng nhau tát. Suốt đêm, không ai nhắm được mắt và trong cơn mệt mỏi, nhiều người lâm râm cầu nguyện.

## **26.09.80**

Sáng ngày 26, mây đen phủ kín bầu trời, mặt biển âm u đầy đe dọa, gió thổi mạnh hơn, sóng đập vào thân ghe ầm ầm, lườn ghe kêu rảng rặc như sắp rã. Máy tàu thì hư lên hư xuống. Đám người sửa máy mỗi lúc mỗi đuối sức. Thức ăn và nước uống bắt đầu cạn. Trên ghe lại không tìm được một tấm bạt hay một tấm ny lông lớn để giương cao lên cho tàu lớn thấy. Thủy thủ đoàn bất lực, đành bó tay buông xuôi. Trong bầu khí nặng nề lo âu, mọi người đều nghĩ đến cái chết đang rình rập. Giờ đây chỉ còn biết phó thác số mệnh vào Đấng Quan Phòng.

Tiếng nguyện cầu cùng Chúa, cùng Mẹ Maria và chư thánh..., tiếng nam mô tụng niệm khẩn Phật cầu Trời ai oán vang lên từ hầm máy lên đến khoang ghe và boong tàu. Trong cơn lâm nguy giữa biển cả, con người chỉ còn cậy trông vào Đấng Linh Thiêng. Với tất cả sự yếu đuối của con người, tôi run sợ khi nghĩ đến cái chết đang cận kề. Tôi thầm thì nguyện cầu : "Lạy Chúa, con xin phó thác hồn xác con, con trai và hai đứa cháu của con và mọi người trên chiếc ghe này trong tay Chúa. Lạy Chúa từ nhân, xin cứu vớt chúng con. Nếu chúng con phải bị chôn vùi dưới lòng biển, thì xin Chúa hãy thứ tha mọi lỗi lầm chúng con đã phạm."

Trong cơn tuyệt vọng, mọi người ủ rũ chờ đợi tai họa sắp đổ xuống. Suốt mấy ngày đêm căng thẳng, người tôi rũ rượi và cổ họng tôi luôn khô cháy vì thiếu nước. Kẹt cứng giữa đám người đồng cảnh ngộ đang vật vờ giữa cái sống và cái chết, tôi ngồi bẹp xuống sàn, đứng quần ướt đẫm vì lòng ghe ngập nước khá cao. Tựa lưng vào thành ghe, mắt nhắm, tôi cầu nguyện mà lòng trí miên man nhớ về dĩ vãng, về người vợ dấu yêu và đứa con gái nhỏ bé, về mẹ già và các anh chị em đang chờ mong ở nhà, về đứa con trai, hai đứa cháu và những đứa bé đang ở khoang trên và về những người đồng hành đang cùng với mình đem sinh mạng để đổi lấy tự do. Giờ đây, bất lực trước thiên nhiên quá hùng mạnh, mọi người đang chờ đợi một kết thúc bi thảm và rùng rợn. Trong cơn thập tử nhất sinh tôi chỉ còn biết cầu xin Chúa cứu vớt và trong lúc thầm thì cầu nguyện, tôi bỗng sức nhớ đến câu chuyện ông Áp-ra-ham kỳ kèo cầu xin Chúa tha thứ cho 2 thành Sô-đô-ma và Gô-mô-ra trong Cựu Ước: nếu ông tìm ra được 50, rồi 20, rồi chỉ 10 người công chính trong 2 thành này, thì Chúa đã tha thứ và đã không thiêu đốt 2 thành này và câu chuyện này đã gợi ý cho tôi lời cầu sau đây: "Lạy Chúa là Cha nhân lành, xin hãy xót thương những đứa bé thơ ngây vô tội trong chiếc ghe nhỏ bé này. Xin Chúa hãy cứu vớt chúng, đừng để chúng phải vùi thây trong lòng biển cùng với những con người đây tội lỗi là chúng con." Và tôi lập đi lập lại lời nguyện này như một điệp khúc.

Biển tiếp tục xấu, mây đen phủ kín bầu trời, gió lúc mạnh lúc yếu, sóng ào ào đập vào mạn thuyền, nâng chiếc ghe lên cao rồi thả xuống đánh rầm như mèo vờn chuột. Chỉ vài cơn sóng mạnh nữa thôi thì chiếc ghe chắc sẽ vỡ ra từng mảnh. Mọi người đều thất thần, không còn biết làm gì. Tiếng cầu kinh, niệm Phật vẫn đều đều vang rền trong cơn tuyệt

vọng từ sáng sớm đến trưa. Bỗng từ trên boong, có tiếng la lớn : "Có máy bay!" Mọi người im bật, vểnh tai nghe ngóng. Chen lẫn trong tiếng sóng ầm ì và tiếng gió ào ào, tiếng máy bay trực thăng từ xa vang lại. Người tôi nhẹ hẳn lên. Niềm hy vọng vụt sáng lên. Tiếng máy bay trực thăng rõ dần. Mọi người trên ghe, từ người lớn đến em bé đều vui mừng hớn hở, vỗ tay và chen nhau muốn leo lên boong. Trực thăng đến gần và bay quanh. Ngồi trong hầm máy, tôi rướng mắt nhìn qua kẽ hở của lườn ghe và khi chiếc trực thăng bay qua tầm nhìn, tôi đọc được mấy chữ bằng tiếng Anh trên thân trực thăng: "Search and Rescue ". Tôi biết đã được cứu thoát. Sung sướng quá chừng! Nước mắt bỗng trào ra lênh láng và tôi đã khóc ngon lành trong niềm vui mừng khôn tả. Tôi tin chắc là Thiên Chúa đã nhậm lời cầu xin của tôi, của mọi người trên ghe và đã gọi thiên thần đến cứu chúng tôi. Tôi chỉ còn biết cảm tạ Thiên Chúa "Lạy Chúa, con xin dâng lên Chúa muôn lời cảm tạ. Hôm nay Chúa đã ban cho chúng con một ân huệ vô cùng to lớn. Chúa đã cứu vớt chúng con khỏi phải chìm xuống đáy biển."

Chiếc trực thăng bay quần quần quanh chiếc ghe một hồi rồi bay xa, nhưng mọi người đều yên tâm và không còn lo sợ nữa. Khoảng nửa giờ sau, một chiếc tàu thủy to lớn lù lù tiến lại. Lúc đến gần, từ trên tàu loa phóng thanh loan báo bằng tiếng Việt: "Đây là tàu Tây Đức vớt người vượt biển. Đồng bào hãy bình tĩnh và giữ trật tự để được đem lên tàu." Từ thành tàu, những thang dây được thả xuống. Rồi tuần tự, những người ở trên boong được thủy thủ người Đức giúp leo lên tàu bằng thang dây hoặc được kéo lên tàu trong mt cái bửng gỗ.

Từ dưới hầm máy, tôi lết lần lên boong. Bây giờ tôi mới thấy rõ chiếc tàu. Hông tàu có viết một hàng chữ lớn "Cap Anamur / Port de Lumière ". Vì đuối sức không leo thang dây được, tôi được đặt ngồi vào bửng gỗ và được trực lên boong tàu. Lúc cái bửng đã được đặt an toàn trên sàn tàu, tôi đứng dậy định bước đi, nhưng vừa đứng lên, tôi bỗng ngã quỵ xuống và cảm thấy ngực tức ran. Nhiều người đỡ tôi dậy và dìu tôi tới đứng chung với những người cùng ghe đã lên trước. Tuấn Phương, Thúy Nga và Anh Tuấn đón tôi. Cha con, chú cháu đều mừng rỡ. Lúc đó là khoảng 1 giờ trưa ngày 26 tháng 9 năm 1980.

Ghe của chúng tôi là chiếc thứ 7 và là chiếc cuối cùng được tàu Cap Anamur vớt trong chuyến công tác kỳ này. Lúc đếm số người trên ghe

chúng tôi, tôi không thể tưởng tượng nổi là chiếc ghe nhỏ bé của chúng tôi mà có thể chở đến 116 người. Chúng tôi được những nhân viên Đức và Việt chăm sóc chu đáo. Ly trà nóng ân tình đầu tiên mà chúng tôi được mời uống khi vừa đặt lên tàu đã sưởi ấm tâm hồn chúng tôi và làm tan biến ngay mọi lo âu phiền não. Thấy tôi chỉ còn một cái quần xà lỏn trên mình, một người Đức đã mang đến cho tôi mt áo T-shirt để mặc cho bớt trần trụi. Nghỉ ngơi trong chốc lát, thấy được khỏe hơn, tôi lần ra cạnh tàu và được nhìn lại lần cuối chiếc ghe định mệnh. Bây giờ tôi mới thấy rõ hình hài chiếc ghe đã chuyên chở hai cha con tôi, hai đứa cháu cùng những người đồng hành đi tìm tự do mà suýt nữa đã là ngôi mồ tập thể dưới lòng đại dương. Nó chỉ dài khoảng 12 mét và rộng chừng 2,5 mét, mang bảng số SS 0713.1A. Sóng biển đẩy chiếc ghe xa lần. Trông nó nhỏ bé, thật bệ rạc, rách nát và thê thảm, nhưng nó đã làm tròn nhiệm vụ đưa 116 người thoát nạn cộng sản. Xin vĩnh biệt!

Tàu Cap Anamur quay mũi, xa dần vùng hoạt động và hướng về Singapour. Mấy tiếng đồng hồ sau, trời đổ mưa lớn, gió thổi mạnh, sóng dâng cao. Con tàu bằng sắt, vĩ đại như thế mà vẫn bị sóng nhồi lên nhồi xuống làm nhiều người nôn mửa. Nghĩ lại, nếu giờ phút này mình còn ở trên ghe, thì đã biến thành mồi cho cá. Chúng tôi được đưa vào trong khoang tàu kín đáo, sàn trải chiếu. Chiều hôm đó, sau khi được lập danh sách và được ăn một bữa cơm nóng, chúng tôi qua một đêm ngủ ngon lành, mặc dù ngoài trời mưa bão và biển động lớn.

Ngày hôm sau, trời mưa gió và biển động mạnh suốt ngày. Chúng tôi được lập phiếu của Cao Ủy Tỵ Nạn (UNHCR) và mỗi người được được phát giấy và một phong bì để viết thư thông báo cho gia đình. Thư sẽ được nhân viên Cap Anamur gửi bưu điện lúc tàu đến Singapore.

Những ngày kế tiếp, trời tốt dần và biển lặng. Được rảnh rang và không còn lo âu, tôi bắt đầu quen với không khí nhộn nhịp trên tàu và được nghe kể những câu chuyện vui buồn của những người cùng cảnh ngộ. Lần đầu tiên, tôi được biết Cap Anamur là tên của con tàu nhân đạo do một số người Đức tự nguyện tổ chức nhằm cứu người Việt trốn chạy cộng sản trên Biển Đông. Đây là chuyến công tác thứ 11 tại vùng này và kể từ ngày 18 tháng 9 (ngày chiếc ghe đầu tiên được vớt) đến ngày 26 tháng 9 (ngày ghe của chúng tôi được vớt) Cap Anamur đã vớt được 7 chiếc với tổng cộng 402 thuyền nhân. (Ghe số 1 : 16 người ; Ghe số 2 :

42 người ; Ghe số 3 : 31 người; Ghe số 4 : 34 người; Ghe số 5 : 23 người; Ghe số 6 : 140 người; Ghe số 7 : 116 người). Với số người đông đảo và ô hợp như thế này, nhưng cuộc sống ở trên tàu đã được tổ chức điều hòa và khá trật tự. Có ban ẩm thực gồm những người đã được tàu vớt lên trước lo nấu cơm và phát thức ăn, nước uống. Có phòng y tế do bác sĩ Đức phụ trách lo sức khỏe cho những người bệnh và trẻ em. Thịnh thoảng, cha con, chú cháu lên boong tàu hứng gió và nhìn những đàn cá nước bơi đua với tàu hay những đàn cá chuồng bay là đà trên mặt biển như đàn chim. Lúc đến Singapor, tàu thả neo ở ngoài xa, nên chỉ thấy thấp thoáng hình dáng những nhà chọc trời ở chân trời. Tàu chỉ ngừng lại đây một thời gian ngắn, rồi nhổ neo hướng về Philippines.

Sáng ngày thứ ba ở trên tàu (28.9.80), trời trong, biển lặng. Cơn bão đã qua, không để lại dấu vết trên mặt biển. Hôm nay là ngày chúa nhật, những anh chị em công giáo họp nhau lại trên boong tàu, Một bàn thờ được dựng tạm và mt vị lớn tuổi, gọi là chú Sáu hướng dẫn anh chị em đọc kinh, chia sẻ lời nguyện. Được đứng an toàn trên con tàu tình nghĩa, bình bồng giữa biển cả bao la, dưới một bầu trời trong sáng, mọi người đã thành tâm dâng lời cảm tạ và hân hoan cất lên những lời ca tiếng hát ngợi khen Thiên Chúa.

Cơn tức ngực vẫn còn dai dẳng và tôi đã đến phòng y tế xin khám bệnh. Bác sĩ đã khám ngực, đo tim và chích thuốc. Chiều lại, viên phi công trực thăng đã trò chuyện với vài người của ghe chúng tôi và đã kể cho biết ông đã tìm thấy và đã vớt chiếc ghe chúng tôi như thế nào. Theo chương trình đã định thì 12 giờ trưa ngày 26.9.1980, chuyến công tác tại vùng Biển Đông lần này của Cap Anamur chấm dứt và tàu sẽ quay mũi về Singapour để lấy thực phẩm, sau đó tàu sẽ đưa số người đã vớt được đến Philippines. Sáng hôm đó, như thường lệ, ông ta lái trực thăng thi hành phi vụ tìm kiếm ghe trên biển. Ông phải bay quanh tàu Cap Anamur với một bán kính nhất định. Suốt gần hai tiếng đồng hồ, ông không thấy gì trên biển. Vì gió mạnh, chiếc trực thăng bị đẩy xa hơn dự định và lúc 10 giờ 40 ông đã thấy một điểm nhỏ ở xa. Ông nghi ngờ, liền lái trực thăng bay đến và phát hiện chiếc ghe của chúng tôi. Ông báo ngay cho tàu Cap Anamur biết tọa độ vị trí chiếc ghe của chúng tôi (vĩ độ 8<sup>o</sup>32'B và kinh độ 108<sup>o</sup>4'D). Nửa giờ sau, chiếc Cap Anamur đến cập bên ghe chúng tôi và đã vớt chúng tôi lên tàu như đã viết. Câu

chuyện ông kể đã làm cho chúng tôi vô cùng xúc động và chúng tôi không biết phải nói như thế nào để tỏ lòng tri ơn đối với ông là người đã trực tiếp cứu chúng tôi khỏi chết chìm đáy biển. Nếu ông không phát hiện đúng lúc cái điểm nhỏ bé giữa đại dương bao la thì giờ đây chúng tôi đã không có mặt ở đây để nghe ông kể chuyện. Suy nghĩ tận cùng, tôi nhận thức rõ : mọi việc đều do ý định của Thiên Chúa. Mọi sự việc xảy ra, từ không gian đến thời gian, từ thiên nhiên đến con người, từ vật chất đến tinh thần đều do sự quan phòng Thiên Chúa sắp xếp và đưa đẩy để đồng quy về cái điểm nhỏ bé là chiếc ghe mỏng manh của chúng tôi giữa biển cả mênh mông. Tôi chỉ còn biết tạ ơn Thiên Chúa và tự hứa với mình là sẽ cố gắng sống những ngày còn lại thế nào để xứng đáng với hồng ân cao cả mà Chúa đã ban cho.

Sáng sớm ngày 1 tháng 10, trong cơn mưa phùn và gió mát lạnh, tàu đến ngoài khơi đảo Palawan và khi vào cảng Puerto Princesa, tàu bỏ neo cách bờ mấy trăm thước. Nhìn thấy nhà cửa phố phường xa xa, lòng tôi vui mừng vì sắp được đặt chân lên đất liền sau hơn mười ngày trên biển cả. Sau khi nhà chức trách Phi lên tàu làm thủ tục nhập cảnh, khoảng 2 giờ chiều, tàu ghé sát vào bờ nơi nhiều xe nhà binh loại GMC đậu sẵn để đón chúng tôi. Từng nhóm được xuống bờ và cho lên xe. Đoàn xe rời bến cảng và chạy qua Puerto Princesa là thủ phủ của đảo Palawan. Thị trấn này không lớn nhưng nhà cửa khá bề thế, ngăn nắp gọn lại trong tôi hình ảnh của Đà Lạt trước 75. Phố xá không nhiều, nhưng hàng hóa bày bán đầy đủ. Sau mấy năm quen với cảnh buồn tẻ của phố phường Sài Gòn, với những hàng người lếch thếch nối đuôi nhau trước các cửa hàng quốc doanh nghèo nàn, nay thấy lại cảnh nhộn nhịp thoải mái của một thị trấn nhỏ trên một đất nước tự do, tôi thấy vui vui trong lòng.

Khoảng nửa tiếng sau thì xe đến trại. Lúc đoàn xe vượt qua cổng, nhìn thấy lá cờ vàng ba sọc đỏ phất phới trên cột cờ cao, giữa nhiều dãy nhà lợp tranh, rồi từ loa phóng thanh, giọng ca thống thiết của mt nữ ca sĩ vang lên thương tiếc Sài Gòn :

"Sài Gòn ơi, ta có ngờ đâu rằng; một lần đi là một lần ly biệt ... "

1 Vĩ độ 8<sup>o</sup>32'B và kinh độ 108<sup>o</sup>4'Đ : Đo trên bản đồ vị trí ghe chúng tôi cách Côn Đảo khoảng 130 km và cách Vũng Tàu 240 km, sau 3 ngày lênh đênh trên biển.



đập mạnh vào tim. Tôi bàng hoàng xúc động, nhớ về quê hương và đã không cầm được giòng nước mắt.

Đoàn xe vừa ngừng lại ở khoảng sân trống thì hàng trăm đồng bào vui cười hớn hở vây quanh chúng tôi. Với tình đồng hương chân thành, mọi người đều mừng rỡ hân hoan chào đón những người anh em vừa đến được bến bờ tự do. Đang ngỡ ngác giữa cái ồn ào náo nhiệt, bỗng một giọng nói quen thuộc vang lên gọi tên tôi. Tìm trong đám người, tôi nhận ra ngay anh chị Trần Thành Long. Anh Long là một kỹ sư điện đã cùng làm việc chung với nhau ở Công ty Sai Gòn Thiết Kế, SKT trước đây sáu tháng. Chúng tôi vui mừng được gặp lại nhau một cách bất ngờ. Tôi vội nhảy xuống xe và hai chúng tôi đã ôm nhau mừng rỡ.

Sau bảy ngày đêm lênh đênh trên sóng nước Biển Đông, giờ đây chúng tôi và những bạn đồng hành được đặt chân lên đất liền trên đảo Palawan của nước Philippines. Ngửa mặt lên trời, tôi cảm tạ Đấng Thiêng Liêng đã cứu đoàn người chúng tôi khỏi chết chìm giữa biển khơi.

Anh Long đã đến trại cùng vợ và hai đứa con trước đây mấy tuần, sau một chuyến vượt biển mười mấy ngày trôi dạt vào một đảo nhỏ và đã được đưa về đây. Để mừng cuộc hội ngộ bất ngờ, anh chị kéo cha con, chú cháu chúng tôi ra ngay một quán nước nhỏ của người Phi ở cổng trại và đãi chúng tôi ly bia và ly Cola tự do đầu tiên. Sau đó anh dẫn dắt tôi làm thủ tục nhập trại và tìm chỗ trống để chúng tôi ngủ qua đêm. Cùng với những người vừa đến, chúng tôi được Cơ quan Cứu trợ Công giáo (CADP) cấp phát ngay vài thứ cần dùng tối thiểu cho cuộc sống, như mùng, màn và ít soong chảo, chén bát, ... và được ban điều hành trại phân phối đến các phòng học trống ngủ tạm qua đêm.

25 năm trôi đã trôi qua với bao nhiêu chuyển biến của cuộc đời. 116 người đã cùng sống chết trên chiếc ghe định mệnh, nay đã tản mác khắp bốn phương trời. Ai còn? Ai mất? Ai đã công thành danh toại? Các cháu bé lúc ra đi đang được cha mẹ ẵm trên tay, nay đã trưởng thành, đã tốt nghiệp cấp đại học và có lẽ cũng đã là cha, là mẹ.

Giữa cuộc đua tranh cho cuộc sống, giữa cảnh phồn hoa trên đất nước tạm dung, chúng ta có còn nhớ đến những giờ phút cam go đương đầu với cái chết trên Biển Đông để đổi lấy cuộc sống tự do? Xin hãy cùng

nhau dâng lên Đảng Tối Cao lời tạ ơn đã cho chúng ta đến được bến bờ tự do. Xin cùng nhau tri ân các đoàn viên trên tàu Cap Anamur đã vì tình người mà cứu vớt chúng ta trên đại dương và cảm ơn tất cả những anh em đã đóng góp công sức cho cuộc hành trình tìm tự do của chúng ta.

Đức Quốc, mùa đông năm 2004